

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế phối hợp thực hiện công tác bồi thường nhà nước
trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 68/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 08/2019/TT-BTP ngày 10/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định biện pháp thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước; Thông tư số 09/2019/TT-BTP ngày 10/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định biện pháp hỗ trợ, hướng dẫn người bị thiệt hại thực hiện thủ tục yêu cầu bồi thường nhà nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 812/STP-TTr ngày 21/3/2023 về việc ban hành Quy chế phối hợp thực hiện công tác bồi thường nhà nước trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp thực hiện công tác bồi thường nhà nước trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan: Công an tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Cục Thi hành án dân sự tỉnh, Bảo hiểm xã hội tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2 QĐ;
- Bộ Tư pháp (để b/c);
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KSTTHCNC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Thi

QUY CHẾ

**Phối hợp thực hiện công tác bồi thường nhà nước
trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa**

*(Kèm theo Quyết định số 2004 /QĐ-UBND ngày 12 / 6 /2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về nguyên tắc, nội dung, hình thức và trách nhiệm trong phối hợp thực hiện công tác bồi thường nhà nước của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh; các cơ quan thuộc Trung ương được tổ chức theo ngành dọc tại tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố (UBND cấp huyện) và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện công tác bồi thường nhà nước trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Điều 3. Nguyên tắc phối hợp

1. Tuân thủ các quy định của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành.
2. Chủ động, thường xuyên, kịp thời trong quá trình phối hợp.
3. Xác định trách nhiệm cụ thể giữa các cơ quan, tổ chức có liên quan nhằm đảm bảo giải quyết vụ việc thuộc trách nhiệm bồi thường của nhà nước kịp thời, hiệu quả, đúng pháp luật.

Điều 4. Nội dung phối hợp

1. Xây dựng, ban hành kế hoạch và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm công tác bồi thường nhà nước.
2. Bố trí công chức đầu mối phụ trách công tác bồi thường nhà nước.
3. Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn cho đội ngũ công chức được giao thực hiện công tác bồi thường nhà nước.
4. Xác định cơ quan giải quyết bồi thường của nhà nước.
5. Hướng dẫn người bị thiệt hại thực hiện thủ tục yêu cầu bồi thường.
6. Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra công tác bồi thường nhà nước.
7. Tham gia xác minh thiệt hại, thương lượng việc bồi thường, chi trả tiền bồi thường, xác định trách nhiệm hoàn trả của người thi hành công vụ gây thiệt hại.

8. Thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm trong công tác bồi thường nhà nước.

9. Hướng dẫn nghiệp vụ, giải đáp vướng mắc công tác bồi thường nhà nước.

10. Báo cáo, thống kê thực hiện công tác bồi thường nhà nước.

Điều 5. Hình thức phối hợp

1. Phối hợp bằng văn bản

Cơ quan chủ trì xây dựng tài liệu tóm tắt nội dung vụ việc hoặc nội dung lấy ý kiến, trong đó nêu rõ vấn đề cần lấy ý kiến, quan điểm của cơ quan chủ trì đối với vụ việc hoặc nội dung lấy ý kiến; gửi văn bản trao đổi ý kiến, tài liệu cho cơ quan được đề nghị phối hợp. Tại văn bản trao đổi ý kiến, cơ quan chủ trì phải nêu rõ thời gian cơ quan được đề nghị phối hợp trả lời.

Cơ quan phối hợp cung cấp thông tin, tài liệu; trả lời đúng nội dung và gửi văn bản trả lời đúng thời hạn nêu trong văn bản lấy ý kiến của cơ quan chủ trì.

2. Phối hợp bằng hình thức tổ chức cuộc họp liên ngành

Cơ quan chủ trì chuẩn bị tài liệu cuộc họp gồm: Bản tóm tắt nội dung vụ việc hoặc nội dung lấy ý kiến. Trong đó, nêu rõ vấn đề cần lấy ý kiến, quan điểm của cơ quan chủ trì đối với vụ việc hoặc nội dung lấy ý kiến; gửi trước tài liệu cuộc họp cho các cơ quan phối hợp được mời tham dự cuộc họp. Nội dung cuộc họp được lập thành biên bản. Cơ quan chủ trì công bố và gửi biên bản cho các cơ quan tham gia cuộc họp.

Cơ quan phối hợp được mời có trách nhiệm cử đại diện tham gia cuộc họp theo đúng yêu cầu. Đại diện được cử có trách nhiệm chuẩn bị ý kiến góp ý và tài liệu theo yêu cầu của cơ quan chủ trì tổ chức cuộc họp.

3. Thành lập đoàn kiểm tra liên ngành

Cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp và cơ quan được kiểm tra thực hiện phối hợp trong kiểm tra công tác bồi thường nhà nước theo quy định tại các Điều 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23 của Thông tư số 08/2019/TT-BTP ngày 10/12/2019 của Bộ Tư pháp quy định biện pháp thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước.

Chương II

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN TRONG PHỐI HỢP THỰC HIỆN CÔNG TÁC BỒI THƯỜNG NHÀ NƯỚC

Điều 6. Trách nhiệm của Sở Tư pháp

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan tham mưu UBND tỉnh thực hiện quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước trong hoạt động quản lý hành chính, tổ tụng và thi hành án trên địa bàn tỉnh.

2. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu UBND tỉnh xác định cơ quan giải quyết bồi thường theo quy định pháp luật; hướng dẫn người bị thiệt hại thực hiện thủ tục yêu cầu bồi thường khi có yêu cầu; theo dõi, đôn đốc

việc thực hiện hoạt động quản lý nhà nước và việc giải quyết bồi thường, chi trả bồi thường, xác định trách nhiệm hoàn trả.

3. Kiến nghị Thủ trưởng cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại xem xét lại quyết định hoàn trả, quyết định giảm mức hoàn trả trong trường hợp quyết định hoàn trả, quyết định giảm mức hoàn trả không phù hợp với quy định tại Điều 65 và Điều 66 của Luật Trách nhiệm bồi thường của nhà nước.

4. Tham gia xác minh thiệt hại đối với các vụ việc phức tạp theo đề nghị của cơ quan giải quyết bồi thường.

5. Tham gia thương lượng và phải có ý kiến tại buổi thương lượng đối với tất cả các vụ việc yêu cầu bồi thường thuộc trách nhiệm giải quyết của cơ quan giải quyết bồi thường trên địa bàn tỉnh.

6. Tổ chức tập huấn, hướng dẫn, bồi dưỡng kỹ năng nghiệp vụ giải quyết bồi thường cho đội ngũ công chức, lãnh đạo phụ trách công tác bồi thường nhà nước.

7. Tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo thực hiện thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm và thực hiện báo cáo thống kê trong công tác bồi thường nhà nước trên địa bàn tỉnh.

Điều 7. Trách nhiệm của Công an tỉnh

1. Phối hợp với Sở Tư pháp tham mưu UBND tỉnh thực hiện quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước trong hoạt động quản lý hành chính, tổ tụng hình sự và thi hành án hình sự trên địa bàn tỉnh.

2. Hằng năm, ban hành kế hoạch, văn bản để triển khai công tác bồi thường nhà nước theo chỉ đạo, hướng dẫn của Bộ Công an và Kế hoạch của UBND tỉnh.

3. Thực hiện công tác giải quyết bồi thường, xác định trách nhiệm hoàn trả, thực hiện quyết định hoàn trả; kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý kỷ luật, xử lý vi phạm về giải quyết bồi thường, thực hiện trách nhiệm hoàn trả theo thẩm quyền.

4. Chỉ đạo cơ quan Công an các huyện, thị xã, thành phố chủ trì, phối hợp với UBND các xã, phường, thị trấn bảo đảm an ninh, trật tự tại các buổi xin lỗi trực tiếp và cải chính công khai theo đề nghị của cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại.

Điều 8. Trách nhiệm của Tòa án nhân dân tỉnh

1. Phối hợp với Sở Tư pháp tham mưu UBND tỉnh thực hiện quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước trong hoạt động tố tụng trên địa bàn tỉnh.

2. Hằng năm, ban hành kế hoạch, văn bản để triển khai công tác bồi thường nhà nước theo chỉ đạo, hướng dẫn của Tòa án nhân dân tối cao và Kế hoạch của UBND tỉnh.

3. Thực hiện công tác giải quyết bồi thường, xác định trách nhiệm hoàn trả, thực hiện quyết định hoàn trả; kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý kỷ luật, xử lý vi phạm về giải quyết bồi thường, thực hiện trách nhiệm hoàn trả theo thẩm quyền.

4. Gửi các bản án đã có hiệu lực pháp luật có nội dung giải quyết yêu cầu bồi thường nhà nước cho Sở Tư pháp.

5. Chỉ đạo Tòa án nhân dân các huyện, thị xã, thành phố giải quyết bồi thường, xác định trách nhiệm hoàn trả theo đúng quy định pháp luật; gửi các bản án đã có hiệu lực pháp luật có nội dung giải quyết yêu cầu bồi thường nhà nước cho Sở Tư pháp.

Điều 9. Trách nhiệm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh

1. Phối hợp với Sở Tư pháp tham mưu UBND tỉnh thực hiện quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước trong hoạt động tố tụng trên địa bàn tỉnh.

2. Hằng năm, ban hành kế hoạch để triển khai công tác bồi thường nhà nước theo chỉ đạo, hướng dẫn của Viện Kiểm sát nhân dân tối cao và nội dung Kế hoạch của UBND tỉnh.

3. Thực hiện công tác giải quyết bồi thường, xác định trách nhiệm hoàn trả, thực hiện quyết định hoàn trả; kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý kỷ luật, xử lý vi phạm về giải quyết bồi thường, thực hiện trách nhiệm hoàn trả theo thẩm quyền.

4. Tham gia thương lượng đối với các vụ việc yêu cầu bồi thường nhà nước trong lĩnh vực tố tụng hình sự.

5. Chỉ đạo Viện kiểm sát nhân dân các huyện, thị xã, thành phố giải quyết bồi thường, xác định trách nhiệm hoàn trả theo đúng quy định.

Điều 10. Trách nhiệm của Cục Thi hành án dân sự tỉnh

1. Phối hợp với Sở Tư pháp tham mưu UBND tỉnh thực hiện quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước trong hoạt động thi hành án dân sự trên địa bàn tỉnh.

2. Hằng năm, ban hành kế hoạch để triển khai công tác bồi thường nhà nước theo chỉ đạo, hướng dẫn của Tổng cục Thi hành án dân sự và nội dung Kế hoạch của UBND tỉnh.

3. Thực hiện công tác giải quyết bồi thường, xác định trách nhiệm hoàn trả, thực hiện quyết định hoàn trả; kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý kỷ luật, xử lý vi phạm về giải quyết bồi thường, thực hiện trách nhiệm hoàn trả theo thẩm quyền.

4. Chỉ đạo cơ quan thi hành án dân sự các huyện, thị xã, thành phố giải quyết bồi thường, xác định trách nhiệm hoàn trả theo đúng quy định.

Điều 11. Trách nhiệm của Sở Tài chính

1. Hằng năm, xây dựng và tổ chức triển khai kế hoạch thực hiện công tác bồi thường nhà nước theo kế hoạch, văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh.

2. Thực hiện công tác giải quyết bồi thường, phối hợp với các cơ quan có liên quan xác định trách nhiệm hoàn trả, thực hiện quyết định hoàn trả; kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý kỷ luật, xử lý vi phạm về giải quyết bồi thường, thực hiện trách nhiệm hoàn trả theo thẩm quyền.

3. Hằng năm, căn cứ thực tế số tiền bồi thường, chi phí cho việc định giá tài sản, giám định thiệt hại đã cấp phát của năm trước và căn cứ tình hình thực tế tại địa phương, Sở Tài chính cân đối, lập dự toán kinh phí bồi thường của cơ quan giải quyết bồi thường được bảo đảm kinh phí hoạt động từ ngân sách địa phương, báo cáo UBND cấp tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét, quyết nghị theo quy định.

4. Thực hiện cấp phát kinh phí bồi thường, chi trả tiền bồi thường và quyết toán kinh phí bồi thường theo quy định.

5. Tham gia xác minh thiệt hại đối với các vụ việc phức tạp theo đề nghị của cơ quan giải quyết bồi thường.

6. Tham gia thương lượng việc bồi thường với tư cách là thành phần được cơ quan giải quyết bồi thường mời trong trường hợp cần thiết.

Điều 12. Trách nhiệm của Bảo hiểm xã hội tỉnh

1. Phối hợp với Sở Tư pháp tham mưu UBND tỉnh thực hiện quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước trong hệ thống các cơ quan bảo hiểm xã hội trên địa bàn tỉnh.

2. Hằng năm, ban hành kế hoạch để triển khai công tác bồi thường nhà nước theo chỉ đạo, hướng dẫn của Bảo hiểm xã hội Việt Nam và Kế hoạch của UBND tỉnh.

3. Thực hiện công tác giải quyết bồi thường, xác định trách nhiệm hoàn trả, thực hiện quyết định hoàn trả; kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý kỷ luật, xử lý vi phạm về giải quyết bồi thường, thực hiện trách nhiệm hoàn trả theo thẩm quyền.

4. Chỉ đạo cơ quan bảo hiểm xã hội các huyện, thị xã, thành phố giải quyết bồi thường, xác định trách nhiệm hoàn trả theo đúng quy định.

5. Cơ quan bảo hiểm xã hội đang trả lương hưu cho người thi hành công vụ gây thiệt hại có trách nhiệm thu tiền theo quyết định hoàn trả và nộp đầy đủ, kịp thời vào ngân sách nhà nước.

6. Tham gia Hội đồng xem xét trách nhiệm hoàn trả với tư cách là cơ quan chi trả lương hưu cho người thi hành công vụ gây thiệt hại trong trường hợp người đó đã nghỉ hưu.

Điều 13. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh; UBND cấp huyện; các cơ quan thuộc Trung ương được tổ chức theo ngành dọc tại tỉnh Thanh Hóa

1. Hằng năm, căn cứ kế hoạch, văn bản chỉ đạo công tác bồi thường nhà nước của UBND tỉnh, trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được giao và tình hình thực tế tại cơ quan, địa phương; các cơ quan chủ động xây dựng và triển khai thực hiện hiệu quả kế hoạch công tác bồi thường nhà nước.

2. Thực hiện công tác giải quyết bồi thường, xác định trách nhiệm hoàn trả, thực hiện quyết định hoàn trả; kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý kỷ luật, xử lý vi phạm về giải quyết bồi thường, thực hiện trách nhiệm hoàn trả theo thẩm quyền.

3. Chỉ đạo cơ quan trực thuộc, cơ quan cấp dưới thực hiện giải quyết bồi thường, xác định trách nhiệm hoàn trả theo đúng quy định.

4. UBND cấp huyện chỉ đạo Phòng Tư pháp làm đầu mối tham mưu, tổng hợp, thống kê, báo cáo, cung cấp thông tin về công tác bồi thường nhà nước trên địa bàn.

Điều 14 . Trách nhiệm của cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại

Trong quá trình giải quyết yêu cầu bồi thường và xác định trách nhiệm hoàn trả, cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại có trách nhiệm gửi Sở Tư pháp các văn bản quy định tại khoản 7 Điều 15, khoản 4 Điều 43, khoản 5 Điều 48, khoản 3 Điều 49, khoản 4 Điều 50, khoản 3 Điều 51 và khoản 4 Điều 66 Luật TNBCTNN (bằng hình thức gửi văn bản giấy hoặc qua hệ thống văn bản điện tử, email...), bao gồm: Bản án, quyết định về giải quyết yêu cầu bồi thường; thông báo thụ lý hồ sơ, thông báo không thụ lý hồ sơ, văn bản cử người giải quyết bồi thường; quyết định hủy, sửa chữa, bổ sung quyết định giải quyết bồi thường; quyết định hoãn giải quyết bồi thường; quyết định tạm đình chỉ giải quyết yêu cầu bồi thường; quyết định đình chỉ giải quyết bồi thường; quyết định hoàn trả.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 15. Chế độ thông tin, báo cáo

1. Sở Tư pháp chủ trì phối hợp với ngành sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh; UBND cấp huyện, các tổ chức, cá nhân có liên quan tham mưu UBND tỉnh thực hiện việc thống kê, báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất việc thực hiện công tác bồi thường nhà nước.

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan theo Quy chế này có trách nhiệm phối hợp với Sở Tư pháp báo cáo, thống kê về công tác bồi thường nhà nước; cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời đối với các vụ việc liên quan đến công tác bồi thường nhà nước theo đề nghị của Sở Tư pháp.

Điều 16. Tổ chức thực hiện

1. Các sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh; UBND cấp huyện, các cơ quan thuộc Trung ương được tổ chức theo ngành dọc đặt tại tỉnh có trách nhiệm tổ chức thực hiện Quy chế này. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan kịp thời phản ánh bằng văn bản về Sở Tư pháp để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, giải quyết.

2. Giao Sở Tư pháp có trách nhiệm theo dõi trong quá trình thực hiện Quy chế, nếu có nội dung chưa phù hợp hoặc mới phát sinh, kịp thời báo cáo UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung, thay thế cho phù hợp với pháp luật hiện hành./.